

Hà nội, ngày 13 tháng 3 năm 1997

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Về việc: Ban hành "Quy định tạm thời về việc thực hiện chế độ cấp phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước ngầm và đăng ký công trình khai thác nước ngầm.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

- Căn cứ Nghị định 73/Cp ngày 01/11/1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Căn cứ Quyết định 354/TTg ngày 28/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Căn cứ Chỉ thị số 487/TTg ngày 30/7/1996 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý Nhà nước đối với tài nguyên nước;

- Căn cứ Văn bản chỉ đạo số 5073/KTN ngày 18/10/1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc bàn giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước nước dưới đất từ Bộ Công nghiệp sang Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Căn cứ Biên bản bàn giao nhiệm vụ quản lý Nhà nước về nước dưới đất, ngày 30/10/1996 giữa Bộ Công nghiệp và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Căn cứ Văn bản chỉ đạo số 478/KTN ngày 29/01/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tạm thời việc cấp phép thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước ngầm;

- Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi;

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Nay ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định tạm thời về việc thực hiện chế độ cấp phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước ngầm và đăng ký công trình khai thác nước ngầm" để thống nhất áp dụng trong cả nước.

Điều II: Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Cục trưởng Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi; các tổ chức, cá nhân thăm dò và khai thác và hành nghề khoan nước ngầm có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều III: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Quy định trước đây về thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác nước ngầm trái với Quy định được ban hành kèm theo Quyết định này đều bị bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ (để b/c)
- Các Thủ trưởng
- Các Bộ: Công nghiệp, Xây dựng, KH-CN & MT, Y tế, KH - Đầu Tư, Tài chính.
- Ban nước sạch Chính phủ
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Sở NN & PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Chi Cục QLN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- Cục QLN & CTTL - Bộ NN & PTNT
- Vụ KH & QH - Bộ NN & PTNT
- Vụ TCCB Bộ NN & PTNT
- Ban Pháp chế - Bộ NN & PTNT
- TT Nước sạch & VS MTNT - Bộ NN & PTNT
- Công ty khai thác nước ngầm I - Bộ NN & PTNT
- Công ty khai thác nước ngầm II - Bộ NN & PTNT
- Công báo
- Lưu VP Bộ.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



NGUYỄN CÔNG TẠM

QUY ĐỊNH TẠM THỜI VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ CẤP
PHEP THẨM ĐÒ, KHAI THÁC, HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC NGẦM
VÀ ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC NGẦM
(Ban hành kèm theo QĐ số 357 ngày 13 tháng 3 năm 1997 của Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn)

Điều 1: Quy định chung

Trong quy định này những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Nước ngầm (nước dưới đất) là nước thiên nhiên tồn tại và lưu thông trong lòng đất và có thể lộ ra trên mặt đất.

- Nước khoáng là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao theo quy định của tiêu chuẩn Việt nam, hoặc tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt nam cho phép áp dụng.

- Nước nóng thiên nhiên là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, luôn luôn có nhiệt độ theo quy định tiêu chuẩn của Việt nam, hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt nam cho phép áp dụng.

- Khu vực khai thác là khu vực được bố trí các công trình khai thác nước ngầm, bao gồm cả phạm vi mà mực nước ngầm bị hạ thấp do bơm hút nước từ công trình khai thác gây ra.

- Công trình khai thác nước ngầm là các giếng khoan, giếng đào, hang động hoặc hành lang khai thác nước, điểm lộ được xây dựng hoặc sử dụng để khai thác nước ngầm.

- Hộ khai thác nước ngầm là tổ chức hoặc cá nhân được làm chủ giấy phép khai thác nước hợp pháp.

- Hộ thi công là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân hoặc cá nhân được Nhà nước cho phép thi công công trình khai thác nước ngầm.

- Quy định này chỉ áp dụng cho nước ngầm là loại nước nhạt, nước lợ (không áp dụng cho nước khoáng và nước nóng thiên nhiên).

Điều 2: Khai thác nước ngầm không phải xin phép.

- Khai thác nước lưu lượng nhỏ bằng sức người cho mục đích ăn uống sinh hoạt gia đình từ các giếng đào, giếng khoan có chiều sâu nhỏ hơn 30 m và đường kính nhỏ hơn 90 mm.

- Trong trường hợp kích thước giếng vượt quá giới hạn cho phép dưới đây thì phải đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã, phường:

+ Giếng đào có đường kính lớn hơn 2 m, hoặc chiều sâu cột nước trong giếng mùa kiệt lớn hơn 5 m ;

+ Giếng khoan có đường kính giếng lớn hơn 50 mm, hoặc chiều sâu cột nước trong giếng lớn hơn 20 m.

Điều 3: Khai thác nước ngầm cho mọi mục đích, trong mọi trường hợp, trừ quy định ở Điều 2, đều phải xin phép.

Điều 4: Việc cho phép khai thác nước ngầm phải tuân theo các nguyên tắc dưới đây:

4.1 - Nước ngầm có chất lượng tốt được ưu tiên cho ăn uống sinh hoạt, nếu còn thừa mới được sử dụng cho các mục đích khác.

4.2 - Lượng nước ngầm được phép khai thác trong một vùng không được vượt quá trữ lượng có thể khai thác được của vùng, đồng thời phải phù hợp với kế hoạch khai thác hàng năm và kế hoạch khai thác của vùng.

4.3 - Ở vùng khai thác nước ngầm đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác được thì phải quản lý chặt chẽ hơn việc khai thác, không được mở rộng việc khai thác nước. Nghiêm cấm việc khai thác nước ngầm ở vùng đã khai thác vượt quá mức quy định mà chưa được bổ sung nhân tạo.

4.4 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khoanh định các vùng khai thác nước ngầm vượt mức và khu vực cấm khai thác nước ngầm nếu chưa được bổ sung nhân tạo để trình Chính phủ phê duyệt.

4.5 - Khi cấp giấy phép thăm dò và khai thác nước ngầm phải dựa trên kết quả thẩm giá các đề án thăm dò và báo cáo trữ lượng của các đơn vị chuyên môn hoặc của Hội đồng chuyên môn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ có quy định cụ thể về vấn đề này).

Điều 5: Thẩm quyền cấp phép:

5.1 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chịu trách nhiệm cấp phép và tổ chức thực hiện quản lý, theo dõi việc cấp phép ở các địa phương về thăm dò, khai thác nước ngầm và hành nghề khoan khai thác nước ngầm trong phạm vi cả nước.

5.2 - Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn điều chỉnh, cấp và thu hồi giấy phép khai thác nước ngầm đối với các công trình khai thác nước tập trung với lưu lượng bằng và lớn hơn 1000 m³/ngày.

5.3 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là UBND tỉnh) điều chỉnh, cấp và thu hồi giấy phép đối với các công trình thăm dò, khai thác nước ngầm đơn lẻ quy mô nhỏ, lưu lượng khai thác nhỏ hơn 1000 m³/ngày. (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quy định cụ thể trong việc phân cấp quản lý đối với Cục Quản lý nước và Công trình thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan có chức năng về công việc này).

5.4 - Trong các vùng trọng điểm, việc cấp giấy phép thăm dò, khai thác nước ngầm phải quản lý chặt chẽ hơn. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sẽ thỏa thuận với UBND các tỉnh, thành phố có các khu vực nêu trên để quy định cụ thể cấp lưu lượng dùng trong việc phân cấp cấp phép ở các vùng này.

Điều 6: Mọi công trình khai thác nước ngầm đều phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép (điểm 5.2 và 5.3 của Điều 5).

Điều 7: Khai thác nước ngầm từ các hố khoan, giếng đào hoặc các dạng công trình khai thác khác thay thế các hố khoan, giếng đào hoặc các công trình khai thác đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác có lưu lượng hút và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép, nằm trong khu vực bãi giếng đã được xác định trong giấy phép thì không phải xin phép, nhưng phải có hồ sơ gửi đến cơ quan cấp giấy phép.

Điều 8: Các công trình khai thác nước mới, hoặc mở rộng nhất thiết phải trình cơ quan cấp phép để xin giấy phép khai thác nước. Hồ khai thác phải trình dự kiến xin phép khai thác nước trước khi lập Dự án khả thi.

Điều 9: Hồ sơ trình xin phép thăm dò, khai thác nước ngầm gồm:

a/ Đơn xin phép thăm dò nước ngầm (nếu vùng chưa có tài liệu thăm dò):

- + Đơn xin thăm dò;
- + Đề án thăm dò đã được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt;
- + Công văn của UBND địa phương thỏa thuận, cho phép sử dụng đất để thăm dò, hoặc bản sao quyền sử dụng đất tại nơi thăm dò.
- + Các văn bản Pháp luật liên quan khác.

b/ Đơn xin phép khai thác nước ngầm: (Phụ lục 1,2,3 kèm theo Quy định này)

- + Đơn xin phép khai thác nước ngầm;
- + Dự án khai thác nước ngầm;
- + Bản đồ khu vực và vị trí giếng khai thác nước.

Các tài liệu kèm theo gồm:

+ Kết quả đánh giá chất lượng nước ngầm của sở y tế hoặc cơ quan y tế có thẩm quyền hoặc các phòng thí nghiệm được các cơ quan có thẩm quyền cho phép đánh giá;

+ Báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng nước ngầm;

+ Bản sao quyền sử dụng đất tại nơi đặt giếng khai thác (nếu như nơi đặt giếng khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của hộ khai thác thì phải có văn bản thoả thuận quyền sử dụng đất giữa hộ khai thác và hộ được quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND địa phương).

+ Các văn bản khác có liên quan làm căn cứ cấp phép: Giấy chấp thuận của hộ dùng nước khác nếu việc khai thác nước có ảnh hưởng tới các hộ này (có xác nhận của UBND địa phương).

Điều 10: Đối với Chương trình khai thác nước ngầm cho ăn uống sinh hoạt nông thôn, cơ quan thực hiện chương trình có trách nhiệm làm thủ tục xin khai thác nước ngầm theo Dự án, kế hoạch theo sự hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, được UBND tỉnh và các cấp có thẩm quyền duyệt hàng năm.

Hồ sơ xin khai thác nước gửi về UBND tỉnh hoặc cơ quan được UBND tỉnh uỷ quyền, gồm: -

- Đơn xin khai thác nước ngầm;

- Dự án khai thác nước ngầm;

- Sơ đồ bố trí công trình khai thác và vị trí khu vực công trình khai thác nước ngầm;

- Bảng tổng hợp thống kê vị trí công trình và tên hộ được đặt công trình khai thác nước ngầm.

Điều 11: Thủ tục trình duyệt:

11-1: Trình tự xin phép và cấp phép:

- Hộ khai thác nước phải gửi đơn nêu dự kiến khai thác và xin thăm dò nước ngầm, kèm theo đề án thăm dò nước ngầm và các hồ sơ cần thiết khác (theo điều 9a) tới cơ quan quản lý nước.

- Sau khi nhận được đơn nêu dự kiến khai thác và xin thăm dò nước ngầm. Cục Quản lý nước và công trình thủy lợi hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn có trách nhiệm xem xét kiểm tra thực tế hiện trường, chuẩn bị văn bản trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

11-2: Sau khi kết thúc công tác thăm dò và khai thác thử, có đầy đủ tài liệu thực tế về địa chất thủy văn, hộ khai thác phải nộp đầy đủ các tài liệu thực tế, các hồ sơ cần thiết (theo điều 9b) cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để tổ chức đánh giá và xét duyệt, trình cấp trên có thẩm quyền ra quyết định cho phép khai thác nước và thi công công trình khai thác nước.

11-3: Đối với các công trình xin khai thác nước ngầm đã có trước (giếng khoan cải tạo từ lỗ khoan tìm kiếm thăm dò nước ngầm, đã có đầy đủ tài liệu địa chất, địa chất thủy văn - cột địa tầng địa chất thủy văn, kết quả bơm hút thí nghiệm và kết quả phân tích

thành phần hoá học và vi trùng của nước...) thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ chuẩn bị văn bản trình cấp trên ra quyết định cho phép khai thác.

11-4: Khi họ xin khai thác nước ngầm trình bản Dự án khả thi công trình khai thác nước phải có ý kiến thoả thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý nước thì họ khai thác mới được phép thi công.

11-5: Sau khi thi công công trình khai thác nước và bơm khai thác thử, họ khai thác phải gửi văn bản phê duyệt dự án khả thi, nộp hồ sơ tài liệu về các giếng khai thác và tài liệu bơm khai thác thử, chất lượng nước tới cơ quan quản lý nước. Cơ quan quản lý nước sẽ xem xét tài liệu để cấp giấy phép chính thức cho phép khai thác nước.

Điều 12: Nếu việc xin phép khai thác nước ngầm gây ra tranh chấp hoặc tố tụng thì cơ quan cấp phép phải thông báo bằng văn bản cho họ xin phép. Việc tranh chấp hoặc tố tụng sau khi được giải quyết theo pháp luật thì họ xin phép khai thác nước phải làm đơn xin phép lại.

Điều 13: Các họ xin phép khai thác nước đã qua thẩm tra, phê chuẩn và đã được cấp giấy phép khai thác nước thì được ghi vào trong tập đăng ký được phép khai thác nước và định kỳ thông báo chung.

Điều 14: Trường hợp hồ sơ xin phép khai thác nước ngầm không đầy đủ hoặc chưa đúng thủ tục, cơ quan quản lý nước yêu cầu họ xin phép phải hoàn chỉnh hồ sơ.

Điều 15: Trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được đơn và đủ hồ sơ xin thẩm dò khai thác nước ngầm cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét thẩm định, chuẩn bị văn bản trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Trong trường hợp phải kéo dài để bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức kiểm tra thực địa, xử lý các tranh chấp thì thời hạn trên do hai bên nhận đơn và nộp đơn thoả thuận nhưng không được quá ba tháng.

Nếu đơn không được chấp nhận thì cơ quan nhận đơn phải trả lời bằng văn bản giải thích rõ lý do cho bên nộp đơn.

Điều 16: Tất cả các họ đang khai thác nước ngầm thuộc diện phải xin phép mà chưa có giấy phép thì phải làm thủ tục đăng ký công trình khai thác nước ngầm tại cơ quan quản lý nước để xin cấp giấy phép khai thác nước (nhỏ hơn 1000 m³/ngày thì đăng ký tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; Từ 1000 m³/ngày trở lên thì đăng ký tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Trong vòng 3 tháng sau khi quy định này có hiệu lực mà không đăng ký thì sẽ bị xử lý hoặc đình chỉ khai thác nước.

Điều 17: Khi có một trong các tình huống dưới đây thì Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc UBND tỉnh có thể quyết định giảm thấp hoặc hạn chế lượng khai thác nước của họ đã được cấp giấy phép khai thác nước:

16.1 - Do nguyên nhân tự nhiên khiến nguồn nước không đủ thoả mãn việc cấp nước bình thường của vùng đó.

16.2 - Khai thác nước ngầm quá mức gây ra sụt lún mặt đất hoặc nhiễm bẩn nguồn nước ngầm.

16.3 - Tổng lượng nước khai thác cho yêu cầu chung tăng lên mà không có nguồn nước khác hoặc biện pháp bổ sung.

Điều 18: Quyền và nghĩa vụ của hộ được phép khai thác nước ngầm:

1/ Hộ được cấp giấy phép khai thác nước ngầm có quyền khai thác nước theo quy định của giấy phép và có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các điều quy định trong giấy phép và các quy định về bảo vệ nước ngầm, các qui định về kỹ thuật và các luật pháp khác có liên quan.

2/ Hộ khai thác nước ngầm phải lắp đặt thiết bị đo lường theo quy định, ghi chép và báo cáo lượng nước khai thác, mực nước hạ thấp từng thời kỳ theo quy định.

3/ Khi cơ quan quản lý nước kiểm tra tình hình khai thác nước, hộ khai thác nước phải có trách nhiệm hợp tác, hỗ trợ và cung cấp trung thực các thông tin liên quan về tình trạng khai thác nước.

4/ Khi phát hiện thấy các thay đổi lớn về số lượng, chất lượng nước ngầm và môi trường thì hộ khai thác phải báo cáo kịp thời tới cơ quan quản lý nước.

Điều 19: Quyền và nghĩa vụ của hộ được phép thăm dò nước ngầm:

- Tiến hành thăm dò theo Dự án được duyệt;

- Thực hiện các quy định trong giấy phép thăm dò, các quy định về bảo vệ nước ngầm, các quy phạm kỹ thuật và luật pháp khác có liên quan;

- Khi cơ quan quản lý nước kiểm tra tình hình thăm dò, hộ thăm dò phải có trách nhiệm hợp tác, hỗ trợ, cung cấp trung thực các thông tin về tình hình thăm dò;

- Trình duyệt báo cáo thăm dò;

- Sau khi hoàn thành nhiệm vụ thăm dò phải nộp một bộ báo cáo vào Lưu trữ Địa chất Nhà nước và một bộ cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Trong trường hợp muốn thay đổi phương án thăm dò so với Dự án được duyệt phải được sự đồng ý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 20: Nếu có một trong các tình huống dưới đây thì cơ quan cấp giấy phép khai thác nước ra quyết định cho hộ khai thác nước trong thời hạn nhất định phải khắc phục:

- Không khai thác nước theo quy định;

- Không lắp đặt thiết bị đo lường trong thời gian quy định;

- Không cung cấp đầy đủ các số liệu liên quan hoặc cung cấp số liệu giả;

- Không chấp hành quyết định giảm bớt hoặc hạn chế lượng khai thác nước của cơ quan quản lý nước.

- Không chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường.

- Khi nguồn nước ngầm bị cạn kiệt, thì phải điều chỉnh việc khai thác theo yêu cầu của cơ quan quản lý.

Điều 21: Các hộ chưa được cấp giấy phép, nếu tự ý khai thác nước thì cơ quan quản lý nước ra quyết định đình chỉ khai thác nước.

Điều 22: Thủ tục đăng ký công trình khai thác nước ngầm

Hồ sơ đăng ký gồm:

- Bản đăng ký công trình khai thác nước;
- Bản đồ khu vực và vị trí công trình khoan đào và khai thác nước;
- Kết quả đánh giá chất lượng nước của Sở Y tế hoặc của cơ quan có thẩm quyền tương đương;
- Báo cáo đánh giá trữ lượng và tình hình khai thác nước;
- Văn bản đánh giá trữ lượng nước ngầm (nếu có);
- Bản sao quyền sử dụng đất, nơi đặt công trình khai thác ngầm. Nếu khu đất đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng của hộ khai thác thì phải có văn bản thoả thuận giữa hộ khai thác nước và hộ được quyền sử dụng đất có xác nhận của UBND địa phương.

Trong vòng 30 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có trách nhiệm xem xét, kiểm tra thực tế hiện trường, chuẩn bị văn bản trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh, thành phố quyết định.

Điều 23: Quy định về việc hành nghề khoan khai thác nước ngầm:

- Mọi tổ chức, cá nhân không có giấy phép hành nghề khoan nước ngầm do cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên nước cấp đều không có quyền khoan các hố khoan thăm dò và khai thác nước ngầm (kể cả các hố khoan tay).

- Tổ chức hoặc cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan thăm dò và khai thác nước ngầm phải có các tiêu chuẩn sau đây:

Người chỉ đạo kỹ thuật phải tốt nghiệp đại học các ngành về địa chất, khoan với một năm kinh nghiệm trong công tác khoan giếng; hoặc tốt nghiệp trung cấp các ngành địa chất, khoan với 3 năm kinh nghiệm trong công tác khoan giếng.

Điều 24: Thẩm quyền cấp phép hành nghề khoan giếng:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy phép đăng ký hành nghề khoan thăm dò, khai thác nước ngầm cho các doanh nghiệp trực thuộc Trung ương và các doanh nghiệp hộ tư nhân có phạm vi hoạt động trên địa bàn từ hai tỉnh trở lên.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp giấy phép hành nghề khoan thăm dò và khai thác nước ngầm cho các doanh nghiệp trực thuộc tỉnh và đơn vị, cá nhân có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh mình.

Điều 25: Quyền và nghĩa vụ của hộ, doanh nghiệp được cấp giấy phép hành nghề khoan giếng:

- Tuân thủ các quy trình kỹ thuật khoan, các quy định trong giấy phép và bảo vệ tầng chứa nước.

- Báo cáo định kỳ hàng năm cho cơ quan cấp giấy phép về tình hình khoan thăm dò, khai thác nước ngầm của đơn vị mình.

Điều 26: Các đơn vị đã được cấp giấy phép hành nghề khoan nước ngầm do các cơ quan khác cấp phải trình giấy phép tới cơ quan quản lý nước để được cấp lại. Các đơn vị chưa có giấy phép hành nghề khoan nước ngầm phải làm thủ tục xin cấp giấy phép tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định ở Điều 23.

Trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày ban hành Quy định này, mọi tổ chức, cá nhân khoan giếng thăm dò, khai thác nước ngầm không có giấy phép hành nghề khoan nước ngầm do cơ quan quản lý nước cấp đều không được hành nghề khoan thăm dò, khai thác nữa.

Điều 27: UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào những quy định trên đây để xây dựng nguyên tắc thực hiện chi tiết hơn cho địa phương mình và không trái với nội dung, nguyên tắc của Quy định này.

Điều 28: Quy định này có hiệu lực từ ngày ký quyết định. Những Quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



NGUYỄN CÔNG TÂN